

# KHÁI QUÁT VỀ VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG

*GS. TS. Mai Ngọc Chừ  
Khoa Đông phương học*

- \* Sơ lược về lịch sử và các nền văn hoá phương Đông
- \* Các khu vực văn hoá phương Đông từ góc nhìn khu vực học
- \* Những đặc điểm chủ yếu của văn hoá phương Đông
- \* Sự ảnh hưởng của các nền văn hoá phương Đông ra khu vực và thế giới
- \* Các thành tựu và những mặt hạn chế của văn hoá phương Đông

Xét về vùng lãnh thổ, phương Đông ngày nay được hiểu là khu vực bao phủ toàn bộ châu Á và phần Đông Bắc châu Phi. Mặc dù khái niệm Đông phương học (Oriental Studies) xuất phát từ phương Tây song vai trò của Đông phương học nói chung, văn hoá phương Đông nói riêng càng ngày càng được giới khoa học thế giới khẳng định và quan tâm. Ngày nay, xét trên nhiều góc độ như lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, v.v. phương Đông chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Nói đến phương Đông, người ta không thể không nhắc đến những nền văn hoá - văn minh nổi tiếng như Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Ả-rập, Trung Hoa, không thể không nhắc đến Nho giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Hindu giáo và hàng loạt tín ngưỡng bản địa mang màu sắc phương Đông. Nói đến phương Đông, người ta cũng nhắc ngay đến các đại ngữ hệ như Nam Á, Nam đảo, Hán - Tạng, Thái - Kadai, Antai, v.v. ; đến những công trình văn hoá kì vĩ như Ăngco Voat, Vạn lí trường thành, Borobudur, các kim tự tháp Ai Cập, v.v. Và, từ góc nhìn văn hoá hiện đại, phương Đông còn làm cho thế giới ngạc nhiên về “sự thần kì Nhật Bản”, về hàng loạt các con rồng châu Á như Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, v.v. Tóm lại, phương Đông là một khu vực văn hoá có “bản sắc” riêng cả về phương diện truyền thống lẫn hiện đại.

## I. SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ VÀ CÁC NỀN VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG

1. Phương Đông với sự bao phủ toàn bộ châu Á và một phần châu Phi, là nơi có điều kiện tự nhiên phong phú và đa dạng. Vì vậy, ngay từ khi có xã hội loài người, nơi đây đã từng là khu vực sinh tồn của bầy người nguyên thuỷ. Rồi theo sự phát triển của lịch sử, ở phương Đông dần dần xuất hiện công xã thị tộc, bộ lạc và sau đó là các nhà nước.

Ngày nay các nhà khoa học đã khẳng định một cách chắc chắn rằng *phương Đông là nơi xuất hiện những nhà nước chiếm hữu nô lệ tối cổ. Các nhà nước ấy chính là các nền văn minh xét trên góc độ văn hoá. Người ta thường nói đến bốn nền văn hoá - văn minh Phương Đông: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc. Và có một nét đặc biệt là những nhà nước gắn liền với các nền văn hoá - văn minh phương Đông thường xuất hiện trên lưu vực những dòng sông lớn từ bờ biển phía đông Địa Trung Hải đến bờ biển Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương: Lưu vực sông Nin ở Ai Cập; lưu vực Lưỡng Hà tạo bởi sông Tigro (Tigre) và Ophorat (Euphrate) cùng chảy ra vịnh Pecxich; lưu vực đồng bằng bắc Ấn Độ tạo bởi sông Ấn (Hindus) và sông Hằng (Gangga); và lưu vực hai con sông*

lớn Hoàng Hà và Dương Tử (Trường Giang) tạo ra vùng đồng bằng Hoa Bắc và Hoa Trung màu mỡ. Phân lập các lưu vực rộng lớn nói trên là những hệ thống núi non trùng điệp và những sa mạc mênh mông: sa mạc Arập ở đông Ai Cập, dãy núi Zagrôt ở phía đông Lưỡng Hà, dãy Himalaya và cao nguyên Pamir ở bắc và đông bắc Ấn Độ, rồi vùng sa mạc Nội Mông, Ngoại Mông ở bắc và tây bắc Trung Hoa. Địa thế hiểm trở cùng với những phương tiện giao thông hết sức hạn chế thời đó đã làm cho *các nền văn hoá - văn minh cổ đại phương Đông xuất hiện và phát triển một cách tương đối độc lập, vì vậy mỗi nền văn hoá - văn minh có tính chất độc đáo riêng và mang dấu ấn dân tộc đậm đà* [Chiêm Tế, 2000, 63 - 64].



Sông Ân



Sông Ân nhìn từ Vệ tinh



Sông Nin

Nói chung, các lưu vực sông ở phương Đông nói trên đều tạo thành những đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu, rất phù hợp với sự phát triển của nông nghiệp. Những “hàng số” tự nhiên đó là: thủy lượng cao, khí hậu ẩm áp, đất đai màu mỡ, dễ canh tác. Chính vì vậy cư dân các khu vực nói trên đã sớm gắn bó với việc sản xuất nông nghiệp, nhất là nghề trồng lúa nước. Bên cạnh trồng trọt, các gia đình còn chăn nuôi gia súc và gia cầm, một số làm các nghề thủ công như sản xuất nông cụ, dệt vải, làm đồ gốm, v.v. Tuy nhiên nghề thủ công phương Đông chỉ có tính chất bổ trợ cho nền kinh tế khép kín của làng xã, không phát triển thành kinh tế hàng hoá thị trường. Như vậy là kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo của các quốc gia phương Đông.

2. *Phương Đông bước vào xã hội chiếm hữu nô lệ* – xã hội có giai cấp đầu tiên trong lịch sử phát triển của nhân loại – *tương đối sớm*. Điều này cũng dễ hiểu. Như trên đã nói, nông nghiệp ở phương Đông ra đời sớm và giữ vai trò chủ đạo. Khi nông nghiệp

phát triển thì tổ chức xã hội cũng phát triển, dẫn đến việc xã hội sớm phân hoá thành giai cấp và hệ quả là nhà nước sớm ra đời. Thời gian xuất hiện nhà nước phương Đông cổ đại sớm nhất (dưới hình thức nhà nước chiếm hữu nô lệ) là vào khoảng thế kỉ thứ IV TCN. Dĩ nhiên các nhà nước chiếm hữu nô lệ không ra đời cùng một lúc và cũng không chấm dứt cùng một lúc. Ra đời sớm nhất là nhà nước chiếm hữu nô lệ ở Ai Cập và Lưỡng Hà (thế kỉ thứ IV TCN), sau đó mới đến các nhà nước ở khu vực sông Ấn, sông Hằng và Hoàng Hà, Dương Tử (thế kỉ thứ III TCN). Về sự “lụi tàn” của các nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Đông cũng tương tự. Nếu như đế quốc Ba Tư ở vùng Trung Cận Đông sụp đổ ngay từ thế kỉ thứ IV TCN thì nhà nước cổ đại Ấn Độ còn kéo dài mãi đến tận những thế kỉ đầu công nguyên.

Các nhà nước cổ đại phương Đông không chỉ có những đặc trưng chung của một xã hội chiếm hữu nô lệ mà còn có *những đặc điểm riêng mang màu sắc phương Đông*, như sau [Chiêm Tế, 2000, 65 – 66].

- Do các quốc gia cổ đại phương Đông ra đời ở thời kì mà sức sản xuất xã hội đang còn ở trình độ thấp kém, tức là ở giai đoạn cuối của thời đại đồ đá mới, nên xã hội chiếm hữu nô lệ không thể phát triển nhanh chóng, khiến các quốc gia đó, nói chung, không trở thành những xã hội chiếm hữu nô lệ phát triển thành thực và điển hình.

- Sự tồn tại dai dẳng và ngoan cố của các tổ chức công xã nông thôn, tàn tích của xã hội thị tộc thời nguyên thủy, và sự phát triển rất yếu ớt của chế độ tư hữu về ruộng đất trong các xã hội cổ đại phương Đông. Nói như C. Mac (trong thư gửi Ph. Ăngghen ngày 2 – 6 – 1853): “Việc không có sở hữu tư nhân về ruộng đất là cơ sở của tất cả các hiện tượng ở phương Đông”. Ăngghen cũng có nhận xét tương tự khi ông viết (trong thư gửi lại cho C. Mac ngày 6 – 6 – 1853): “Việc không có sở hữu tư nhân về ruộng đất thực sự là chiếc chìa khoá để hiểu toàn bộ phương Đông”.

- Sự bảo tồn lâu dài của chế độ nô lệ gia trưởng và của các hình thức áp bức, bóc lột kiểu gia trưởng, việc sử dụng lao động của nô lệ chưa được phổ cập trong các ngành sản xuất xã hội và vai trò của nô lệ trong sản xuất kinh tế chưa chiếm vị trí chủ đạo. Nô lệ phương Đông không phải là lực lượng chính làm ra của cải vật chất. Tuyệt đại đa số nô lệ được sử dụng để hầu hạ, phục dịch trong các gia đình quan lại, chủ nô quyền quý. Điều này cũng dễ hiểu bởi ở các quốc gia nông nghiệp phương Đông, nhà nước bóc lột nông dân là chính, bằng chế độ lao dịch, thuế khoá.

- Sự xuất hiện và phát triển mạnh của một hình thức tổ chức nhà nước đặc biệt - nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền – gọi là *chủ nghĩa chuyên chế phương Đông*. Các quốc gia phương Đông sớm dĩ thiết lập được thiết chế chính trị này bởi vua các nước đó nắm được quyền sở hữu tối cao về ruộng đất và về thần dân trong cả nước. Có thể nói khắp dưới gầm trời không đâu không phải đất nhà vua, khắp dưới mặt đất không đâu không phải thần dân của nhà vua [Cao Liên, 2003, 29]. Do nắm được tư liệu sản xuất là toàn bộ ruộng đất nên các nhà vua đã dùng nó để ràng buộc các thần dân và nắm trọn quyền chính trị. Một lí do nữa về sự tồn tại của nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền là yêu cầu của việc trị thủy, đắp đê phòng lụt, bảo vệ mùa màng. Nhu cầu này đòi hỏi phải tập trung quyền lực vào trung ương để có thể huy động được sức người sức của, nhân tài vật lực. Ngoài ra các nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Đông còn phải tiến hành các cuộc chiến tranh để mở rộng bờ cõi hoặc bảo vệ lãnh thổ của mình, do đó cũng cần phải tập trung quyền lực vào tay trung ương để huy động lực lượng vật chất và tinh thần.

Tóm lại, với bộ máy bạo lực to lớn, với việc đề cao đến mức thần thánh hoá nhà vua, các nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Đông đã phục vụ đắc lực cho giai cấp chủ nô, bảo vệ quyền lợi và tài sản của giai cấp thống trị, đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nông dân, giữ vững địa vị thống trị của chủ nô. Tuy nhiên cũng cần nhấn mạnh rằng *các nhà*

*nước chiếm hữu nô lệ phương Đông đã làm nòng cốt cho nhân dân xây dựng, phát triển được những nền văn hoá đa dạng, độc đáo, với nhiều thành tựu rực rỡ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, triết học, v.v. và hàng loạt những công trình văn hoá vật chất đồ sộ vẫn sống mãi với thời gian. Những thành tựu văn hoá rực rỡ ấy đã làm cho các quốc gia cổ đại phương Đông trở thành những trung tâm của các nền văn hoá - văn minh thế giới cổ đại.*

3. Vào những năm cuối cùng TCN hoặc những năm đầu công nguyên, nhìn chung các quốc gia phương Đông đều kết thúc chế độ nô lệ và lần lượt chuyển sang xã hội phong kiến.

Vào thời kì trung đại, nền kinh tế chủ yếu của các nhà nước phong kiến phương Đông vẫn là nền kinh tế nông nghiệp, tự cung tự cấp. Trong xã hội phong kiến, giai cấp phong kiến quý tộc và sau này thêm tầng lớp địa chủ, là giai cấp nắm tư liệu sản xuất, nắm ruộng đất nên là giai cấp thống trị. Giai cấp bị trị là nông dân. Ở phương Đông, khi kinh tế phong kiến là điền trang thái ấp thì nông dân chịu thân phận nông nô còn khi kinh tế phong kiến chuyển sang hình thức địa chủ thì nông dân trở thành tá điền.

Trong các nhà nước phong kiến phương Đông, nhà nước phong kiến Trung Hoa là một điển hình. Đặc trưng của kiểu nhà nước này là có *một chính thể quân chủ chuyên chế tập quyền cao độ, hoàn hảo*. Dưới chế độ phong kiến, vua là người nắm trong tay toàn bộ quyền lực: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Vua được mệnh danh là Thiên tử. Và bộ máy nhà nước do vua đứng đầu có một uy quyền vô cùng to lớn.

Trong lịch sử, chế độ phong kiến phương Đông tồn tại dai dẳng: khoảng 20 thế kỉ (Tính từ đầu công nguyên đến những năm đầu của thế kỉ XX). Thời điểm bắt đầu thoái hoá của của các nhà nước phong kiến phương Đông có thể tính từ thế kỉ XVI – XVII trở đi. Vào thời điểm đó, giai cấp phong kiến phương Đông trở nên phản động, kìm hãm sự phát triển của đất nước. Các nhà nước phong kiến phương Đông vẫn duy trì tình trạng kinh tế tự cung tự cấp, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, bóp chết những mầm mống của nền kinh tế hàng hoá và những quan hệ sản xuất mới – quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Hơn nữa các nhà nước còn thi hành chính sách bế quan toả cảng, đóng cửa, không giao lưu với thế giới bên ngoài. Trong khi đó thì cũng đúng vào thời điểm ấy, các nước phương Tây tiến hành cách mạng tư sản, xác lập chủ nghĩa tư bản và tiến hành xâm lược các nước nhằm mở rộng thị trường mà đối tượng được chúng “đề mắt đến” chính là các quốc gia phương Đông. Khi cuộc chiến tranh xâm lược của phương Tây nổ ra, giai cấp phong kiến phương Đông nói chung đều nhân nhượng, thoả hiệp và đầu hàng. Do vậy từ thế kỉ XVI đến XIX, trừ Nhật Bản, tất cả các nước phương Đông đều bị biến thành nước nửa thuộc địa hoặc thuộc địa của các nước tư bản phương Tây.

*Nhìn chung, trong chế độ phong kiến, các nền văn hoá phương Đông vẫn toả sáng. Những “chiếc nôi” văn hoá cổ đại phương Đông vẫn có sức lan toả mạnh mẽ ra các khu vực xung quanh: Nhiều yếu tố văn hoá Ấn Độ được truyền bá sang Đông Nam Á, Tây Tạng, Bắc Á, Đông Bắc Á và các khu vực khác trên thế giới; văn hoá Trung Quốc, đặc biệt là Nho giáo, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Nhật Bản, Korea, Việt Nam và các nước khác; Văn hoá Ai Cập - Lưỡng Hà mặc dù tồn tại không lâu song những thành tựu của nó không chỉ có ảnh hưởng trong khu vực mà còn toả sáng ra các khu vực khác của thế giới, v.v. Cùng với sự lan toả của các nền văn hoá cổ đại là sự xuất hiện của các nền văn hoá mới như Arập, Nhật Bản, Korea, v.v. Bức tranh văn hoá phương Đông, do vậy càng phong phú, đa dạng, nhiều sắc vẻ. Thêm nữa, vừa đấu tranh chống lại sự đô hộ của chủ nghĩa tư bản phương Tây, các dân tộc phương Đông vừa tiếp thu những yếu tố văn hoá mới, tiến bộ từ phương Tây để làm giàu cho vườn hoa văn hoá của dân tộc mình. Bức tranh văn hoá phương Đông từ đây càng ngày càng rực rỡ sắc màu.*

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các quốc gia phương Đông lần lượt giành được độc lập dân tộc. Cùng với sự phát triển của kinh tế – xã hội, từ đây các nền văn hoá dân tộc phương Đông như một vườn hoa được chăm sóc cẩn thận và khoa học nên phát triển tốt tươi và đơm nhiều hương sắc. Văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia phương Đông.

## II. CÁC KHU VỰC VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG TỪ GÓC NHÌN KHU VỰC HỌC

Là một khu vực văn hoá thống nhất, rộng lớn, phân chia văn hoá phương Đông ra thành các khu vực nhỏ hơn là một việc làm không hề đơn giản. Khó có một “nhát cắt” thật rạch ròi giữa các khu vực hay các vùng văn hoá. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ văn hoá các khu vực luôn có sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau. Do vậy, sự phân chia văn hoá phương Đông thành các khu vực văn hoá dựa trên lãnh thổ địa lí cũng chỉ có ý nghĩa tương đối mà thôi. Với một quan niệm như vậy, từ góc nhìn khu vực học, chúng ta có thể tạm thời phân chia văn hoá phương Đông thành 6 khu vực dưới đây<sup>1</sup>.

1. Đông Bắc Á
2. Đông Nam Á
3. Nam Á
4. Trung Á
5. Bắc Á
6. Tây Á - Bắc Phi

### 1. KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

Có người gọi khu vực này là Đông Á. Đây là khu vực của các nền văn hoá Trung Hoa, Nhật Bản, Korea, trong đó văn hoá Trung Hoa là trung tâm. Văn hoá Nhật và văn hoá Korea chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hoá Trung Hoa, vì vậy một số học giả coi đây là những nền văn hoá “vệ tinh” của văn hoá Trung Hoa. Văn hoá Việt Nam một phần cũng chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa.

Khu vực văn hoá Đông Bắc Á có thể phân nhỏ thành các vùng văn hoá như sau.

#### 1.1 Vùng lưu vực sông Hoàng Hà

Lưu vực sông Hoàng Hà (tức sông vàng) là trung tâm của văn minh Trung Hoa.

Sông Hoàng Hà có nguồn nước do tuyết tan bắt đầu từ vùng núi Côn Lôn phía bắc tỉnh Thanh Hải - Tây Tạng, chạy dài 5.460 km qua 9 tỉnh [Trịnh Huy Hoá, 2001, 17], đổ vào Bột Hải, tạo ra một vùng châu thổ rộng lớn lên tới 740.00 km<sup>2</sup>. Đây là con sông nhiều phù sa nhất thế giới, mỗi năm mang theo 12 tỷ tấn phù sa. Vì dòng chảy của sông này đi qua vùng bình nguyên đất vàng, nên nó cuốn theo một khối lượng khổng lồ đất phù sa, đất sỏi vàng (do đó có tên sông vàng).

Khí hậu khô, lạnh của vùng này rất thuận lợi cho việc trồng các loại cao lương, ngũ cốc.

Khu vực này được bao bọc bởi cao nguyên ở phía tây, thảo nguyên và sa mạc Gôbi ở phía bắc, nên cũng thuận lợi cho sự phát triển du mục.

Do ít tiếp xúc với biển (chỉ khoảng 700 km bờ biển, trong khi chiều rộng nội địa lên tới 5000 km), khí hậu khu vực này mang tính lục địa rõ rệt. Về mùa đông, trời rất lạnh bởi những đợt gió tràn xuống từ vùng Siber. Việc trồng cây một phần nhờ lượng nước mưa (trung bình hàng năm khoảng 600 mm), một phần nhờ nước do băng tan.

---

<sup>1</sup> Cách phân chia này và một số thông tin liên quan chúng tôi dựa vào bài viết của GS. TSKH Vũ Minh Giang: “Khu vực học với nghiên cứu phương Đông”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ nhất mang tên “Đông phương học Việt Nam”, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001, trang 53.



### Hạ lưu sông Hoàng Hà

Với điều kiện sống như trên, văn hoá khu vực lưu vực sông Hoàng Hà có một số đặc điểm chính như sau:

- Sản xuất: Kinh tế nông nghiệp khô là chủ đạo, ngoài ra còn có du mục và thương nghiệp. Thủy lợi phát triển.

- Văn hoá vật chất phục vụ đời sống: Ăn bánh bao, cháo kê, thịt cừu, thịt dê; Mặc đồ dệt bằng tơ gai, lụa; Ở nhà hầm đào dưới đất; Đi xe.

- Văn hoá tâm linh: Nho giáo phát triển mạnh và chi phối toàn bộ đời sống tâm linh; Phật giáo Thiên và Đạo giáo có ảnh hưởng sâu rộng; Tin vào định mệnh, sùng đạo Thần Tiên.

- Văn hoá đạo đức: Trọng lễ nghĩa, tuổi tác, trọng chức tước, học thức.

### ***1.2 Vùng lưu vực sông Dương Tử (Trường Giang, Hoa Nam, Lương Hồ)***

Con sông dài nhất Trung Quốc (và dài thứ ba thế giới) này dài tới 6.300 km (vì vậy còn có tên là Trường Giang – tức sông dài) [Trình Huy Hoá, 2001, 16]. Dương Tử bắt nguồn từ miền Tây tỉnh Thanh Hải, chạy vòng xuống Tây Tạng, Côn Minh, Tứ Xuyên rồi ngược lên hồ Động Đình, qua Giang Tô, Thượng Hải và đổ ra biển. Đây là khu vực của sông, hồ, với lượng mưa lớn. Hồ Động Đình rộng tới 3.000 km<sup>2</sup>. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.000 mm. Toàn bộ lưu vực sông Dương Tử rộng tới 1.800.000 km<sup>2</sup>. Khí hậu ẩm áp, khác hẳn vùng Hoàng Hà. Khu vực này, vì vậy, rất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Một nửa sản lượng lương thực của Trung Quốc được gieo trồng trên vùng đồng bằng sông Dương Tử, đặc biệt là gạo. Tuy nhiên, đây cũng là vùng có nhiều bão, lũ.

Sông Dương Tử chia Trung Quốc ra thành hai miền: miền Bắc và miền Nam.

Từ thời cổ đại, các tộc người phi Hán đã định cư ở đây. Người Bách Việt sống ở bờ nam sông Dương Tử. Đến thời Xuân Thu, vùng này bị nước Sở chiếm giữ. Năm 223, Sở bị Tần thôn tính. Từ đây diễn ra quá trình Hán hoá rất mạnh. Tất nhiên, văn hoá Hán cũng tiếp thu nhiều yếu tố văn hoá phương Nam.



Sông Dương Tử

Văn hoá vùng lưu vực sông Dương Tử có những đặc điểm chính như sau:

- Sản xuất: Trồng lúa nước là chủ đạo.
- Văn hoá vật chất: Thức ăn tổng hợp, thủy sản có vai trò quan trọng trong bữa ăn; mặc nhẹ, mát; nhà làm bằng tre, nứa.
- Văn hoá tâm linh: Tục thờ cúng tổ tiên, sùng bái tự nhiên; đạo Giáo phổ biến.
- Văn hoá ứng xử, quy phạm đạo đức: Coi trọng quan hệ cộng đồng, huyết thống; thích nếp sống giản dị.

Hai con sông lớn Hoàng Hà và Dương Tử, như trên đã nói, tạo ra cả một khu vực đồng bằng rộng lớn Hoa Bắc và Hoa Trung do đó cư dân sống ở khu vực này, ngoài những đặc điểm văn hoá mang bản sắc riêng ở từng lưu vực con sông, vẫn có những đặc điểm chung nhất định do nghề nông quy định. Do vậy sự phân chia thành hai vùng văn hoá như trên cũng chỉ có tính tương đối mà thôi.

### **1.3 Quần đảo Nhật Bản**

Cùng với 4 đảo lớn là Honshu, Hokkaido, Kyushu, Shikoku và gần 4000 hòn đảo lớn nhỏ khác bao quanh, Nhật Bản là quốc gia “toàn đảo”. Bờ biển của Nhật Bản có chiều dài tới 29.000 km. Núi rừng chiếm khoảng 72% lãnh thổ. Các triền núi đều khá dốc do đó việc canh tác nông nghiệp rất khó khăn. Núi lửa nhiều: khoảng 200, trong đó 67 ngọn vẫn “sống”. Sông ít, nhỏ, ngắn, nghèo phù sa. Đồng bằng nhỏ, hẹp, chủ yếu do nham thạch của núi lửa tạo ra. Đất canh tác chỉ vào khoảng 2,5 triệu hecta. Những điều kiện địa lí như trên buộc người Nhật phải hướng cuộc sống ra phía biển, do đó nghề hàng hải và đánh bắt cá phát triển.



Gỏi Nhật Bản

Khí hậu của Nhật Bản rất khác biệt: ở phía bắc, vùng Hokkaido và vùng núi tây bắc đảo Honshu về mùa đông lạnh như Siber, ở phía nam, vùng đảo Kyushu thì lại có khí hậu nhiệt đới, vì vậy là vùng đất tràn trề ánh nắng. Nhật Bản là quốc gia nổi tiếng về thiên tai: động đất, núi lửa, lụt lội, sóng thần, bão gió, v.v. Điều kiện tự nhiên như vậy rõ ràng có ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển nông nghiệp.

Đối với Nhật Bản, biển đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Chính biển đã xoá đi sự cô lập với thế giới bên ngoài của Nhật Bản. Sự phát triển của hàng hải, đặc biệt là hệ thống cảng biển, đã làm cho Nhật Bản vươn xa ra thế giới bên ngoài, trong đó có cả sự du nhập những yếu tố văn hoá - văn minh từ các khu vực khác nhau của thế giới.

Do địa hình chủ yếu là thung lũng (khoảng 300), bị chia cắt thành nhiều vùng núi lửa nên quần đảo Nhật Bản tạo ra nhiều tiểu vùng văn hoá địa phương. Các tiểu vùng đó là: Đông hải đạo (đồng bằng Kanto), Tây hải đạo (đảo Kyushu), Nam hải đạo (đảo Shinkoku và các đảo phía nam), Bắc hải đạo (đảo Hokkaido), Bắc lục đạo (vùng núi phía bắc, chủ yếu là hai tỉnh Nigata và Kanazawa) và Kinki (vùng đồng bằng Kansai).

Những đặc điểm chung nhất về văn hoá của Nhật Bản có thể kể đến là như sau.

- Sản xuất: Trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, đánh bắt cá.

- Văn hoá vật chất:

+ Ăn cơm với cá và các loại hải sản khác. Ăn dưa.

+ Mặc đồ ấm, chắc, bền.

+ Ở nhà sàn như nhiều quốc gia Đông Nam Á.

+ Đi lại bằng tàu, thuyền rất phổ biến.

- Văn hoá tâm linh: Thần đạo (Shinto) rất thịnh hành.

- Văn hoá ứng xử và quy phạm đạo đức:

+ Trọng chữ tín

+ Tính kỉ luật cao

+ Tiết kiệm, cần cù, nhẫn nại; có ý thức rõ rệt về bổn phận và nghĩa vụ; chu đáo, tỉ mỉ, cẩn thận;

+ Vừa giữ gìn tính khép kín cộng đồng (do hoàn cảnh sống biệt lập với thế giới lục địa) vừa muốn tìm hiểu, học tập cái hay, cái tốt của người khác (do hướng ngoại nhờ biển).

#### **1.4 Bán đảo Korea (Triều Tiên, Hàn)**

Bán đảo Korea có 3 mặt giáp biển: Phía tây là biển Hoàng Hải (biển vàng), phía nam là eo Cao Ly, phía đông là biển Nhật Bản. Dọc theo bờ biển ở phía tây và phía nam có khoảng 3000 hòn đảo. Tổng diện tích bán đảo vào khoảng 210.500 km<sup>2</sup>.



Kim chi Hàn Quốc

Địa hình Korea là địa hình núi. Núi chạy suốt sườn đông từ bắc xuống nam, núi ngăn cách Korea với Trung Quốc. Có hai ngọn núi nổi tiếng là Kungang (nghĩa là kim



cương) và Sorak (nghĩa là tuyết bao phủ). Ở phía bắc có cao nguyên Kaema (với độ cao trung bình 990 m). Ngoài núi, phần lãnh thổ còn lại chủ yếu là các vùng đất thấp, bao gồm các bình nguyên ven biển và các thung lũng bám dọc theo sông.

Tuyết đại đa số các sông của Korea đều ngắn, nước chảy xiết và đều đổ ra Hoàng Hải. Hai sông dài nhất là Yalu và Tumen đều bắt nguồn từ đỉnh núi Paektu ở phía bắc. Sông Yalu dài 800 km đổ ra vịnh Cao Ly ở phía tây. Sông Tumen đổ ra biển Nhật Bản ở phía đông. Ở Nam Korea (Hàn Quốc), sông dài nhất là Naktong, dài 530 km. Ngoài ra còn có sông Hàn, sông Kum là những con sông cung cấp lượng nước chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp của Hàn Quốc.

Korea có 4 mùa. Khí hậu đặc trưng là Đông Á gió mùa, nóng và ẩm ướt vào mùa hạ, lạnh và khô hanh vào mùa đông. Mùa hạ, lượng mưa chiếm tới 70% lượng mưa cả năm. Lượng mưa hàng năm ở miền Bắc thường thấp hơn ở miền Nam: miền Bắc lượng mưa vào khoảng 600 mm – 1000 mm, trong khi ở miền Nam là 1000 mm – 1200 mm. Mùa đông miền Bắc lạnh hơn miền Nam. Ở miền Bắc nhiệt độ thấp nhất có thể xuống đến  $-10^{\circ}\text{C}$ .

Lịch sử cổ đại Korea gắn liền với nhà nước Choson mà những người tiền sử của nó có thể thuộc về nhóm ngôn ngữ Altai từ Sibir, Mãn Châu và Mông Cổ di cư đến. Họ là những thợ săn, ngư dân, nông dân theo tín ngưỡng Shaman (đạo thần giáo). Và tại đây đã diễn ra sự cộng cư với cư dân bản địa để hình thành nên dân tộc Hàn ngày nay.

Trên những nét chung nhất, văn hoá Korea có những đặc điểm sau.

- Sản xuất: Trồng lúa nước, lúa mì, lúa mạch và các loại rau đậu; chăn nuôi gia súc; đánh bắt cá.

- Văn hoá vật chất: Ăn cơm với cá và rau dưa (kim chi), thích gia vị, ăn đũa; ở nhà một tầng hình chữ L, chữ U hoặc chữ nhật, làm bằng đất sét và gỗ, mái tranh; mặc ấm.

- Đạo đức, lối sống: Theo đạo Khổng nên hoà hiếu, tôn trọng quan hệ thứ bậc trong cư xử, hiếu kính cha mẹ, trung thành với bạn bè.

- Tính cách: Thăng tiến, bộc trực.

- Văn hoá tâm linh: Shaman giáo (thờ cúng các thần linh của thiên nhiên); nhiều người theo đạo Phật, đạo Lão.

Ngoài 4 vùng văn hoá nêu trên, ở khu vực Đông Bắc Á còn có một vùng văn hoá nữa thuộc đồng bằng sông Hắc Long Giang (Mãn Châu). Vùng văn hoá này vừa mang những đặc trưng của văn hoá Trung Hoa vừa mang những đặc trưng của văn hoá Bắc Á mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở dưới.

## **2. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

Đông Nam Á ngày nay bao gồm 11 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar (Miền Điện), Malaysia, Indonesia, Singapore, Brunei, Philippines và Đông Timor. Tuy nhiên xét về văn hoá truyền thống, phạm vi của nền văn hoá này rộng hơn lãnh thổ 11 nước hiện nay. Khu vực văn hoá Đông Nam Á về phía tây đến bang Assam của Ấn Độ, về phía bắc lên đến phía nam bờ Dương Tử, về phía đông đến quần đảo Philippines và về phía nam đến các đảo cực nam của Indonesia. Do ở cạnh hai nền văn hoá - văn minh lớn của nhân loại là văn hoá - văn minh Trung Quốc và văn hoá - văn minh Ấn Độ nên Đông Nam Á đã tiếp thu nhiều yếu tố văn hoá từ hai nền văn hoá - văn minh này.

Đặc điểm nổi bật nhất của Đông Nam Á về điều kiện tự nhiên là tính chất nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều. Đông Nam Á là nơi có độ ẩm cao nhất thế giới. Khí hậu biển cũng là một đặc điểm tự nhiên quan trọng. Đường bờ biển dài là nguyên nhân gây ra mưa nhiều và khiến cho lượng hơi nước luôn luôn dư thừa trên đất liền. Có thể

nói, biển và gió mùa, khí hậu nóng và ẩm đã biến Đông Nam Á thành thiên đường của thế giới thực vật. Với lượng mưa lớn từ 1500 đến 3000 mm / năm (có nơi đến 4000 mm), lượng bức xạ mặt trời cao trên 100 kcal. M<sup>2</sup>/năm, độ ẩm tới mức trên 80% và nhiệt độ trung bình lên tới 20 °C đến 27 °C, Đông Nam Á đã tạo ra những cánh rừng nhiệt đới bao la với đủ các loại thảo mộc quý hiếm và có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các loại cây gia vị và hương liệu. Cũng nhờ điều kiện tự nhiên nêu trên mà Đông Nam Á đã trở thành khu vực được mệnh danh là quê hương của cây lúa nước – cây lương thực số một của nhân loại.



Nhà sàn Ê đê

Ở Đông Nam Á có sự đối lập khá rõ giữa khu vực lục địa (bán đảo Trung Án) với khu vực hải đảo. Khu vực lục địa, ngoài địa hình núi còn có những đồng bằng phù sa màu mỡ nổi tiếng như đồng bằng châu thổ sông Hồng (Việt Nam), đồng bằng sông Mêcông (Cămpuchia, Việt Nam, ...), đồng bằng sông Menam (Thái lan), đồng bằng sông Irawadi, Salusen (Myanmar). So với khu vực lục địa, đồng bằng ở hải đảo thường nhỏ hẹp. Tuy nhiên, so với khu vực lục địa, rừng ở các nước hải đảo lại có phần trù phú hơn.

Đông Nam Á có *mạng lưới sông ngòi dày đặc*. Đây là một nguồn lợi lớn về kinh tế, trước hết là về mặt giao thông vận tải. Các sông lớn có giá trị kinh tế cao phần lớn đều nằm ở bán đảo Trung Án: sông Mêcông (dài 4500 km, đoạn chảy vào khu vực Đông Nam Á dài 2600 km), sông Hồng, sông Saluen (3200 km), sông Irawadi (2150 km), sông Menam (1200 km). Các sông ở khu vực hải đảo thường ngắn, dốc và có giá trị thủy điện cao. Nhìn chung, các sông ở Đông Nam Á nhiều nước, dòng chảy trên mặt có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao, tạo nên các vùng châu thổ rộng lớn, màu mỡ. Trữ năng thủy điện của các con sông ở vùng này cũng thật đáng kể: Indonesia 20 triệu kw, Việt Nam 20 triệu kw, Lào 12,4 triệu kw, Thái lan 8 triệu kw.

Bên cạnh những mặt thuận lợi, Đông Nam Á cũng thường xuyên phải đối mặt với những khó khăn, trở ngại không nhỏ do thiên nhiên gây ra. Đó là nạn động đất, núi lửa, bão gió, lụt lội, hạn hán, sâu bệnh, v.v. Tuy nhiên nhìn một cách tổng thể, *thiên nhiên Đông Nam Á khá thuận lợi cho cuộc sống của con người, nhất là cho cuộc sống của con người trong buổi đầu lịch sử nhân loại*. Có thể nói khu vực này có thể mạnh tự nhiên cho sự phát triển nông nghiệp.

Những đặc điểm văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á có thể kể đến là:

- Sản xuất: Trồng lúa nước, đánh bắt cá, trồng một số cây công nghiệp (cao su, cà phê, chè, v.v.).

- Văn hoá vật chất:

- + Ăn cơm với rau, cá và các sản phẩm đồng quê như cua, ốc, hến, ... , các loại gia vị, hương liệu. Thức ăn tươi sống. Nhiều vùng ăn bốc.

- + Mặc thoáng, mát.